

QUYẾT ĐỊNH số 1213-QĐ/VTGC ngày 12-6-1978 ban hành biểu cước vận tải hàng hóa bằng tàu biển có máy làm lạnh.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ nghị định số 158-CP ngày 4-7-1974 của Hội đồng Chính phủ quy định tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải ;

Sau khi đã bàn bạc thống nhất với Ủy ban Vật giá Nhà nước ;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban Ban vận tải, Cục trưởng Cục đường biển.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Trong lúc chờ đợi có thời gian thực tế vận chuyển hàng tươi sống bằng tàu biển có máy làm lạnh để xây dựng giá thành vận tải hợp lý, lập phương án cước vận tải hàng hóa trình Thủ tướng Chính phủ duyệt. Để có cơ sở thanh toán cước phí, nay tạm thời ban hành biểu cước vận tải hàng tươi sống bằng tàu biển có máy làm lạnh chạy trong nước :

— Theo cước phổ thông là 0,18đ một t/km (Một hào tám xu).

— Theo cước tuyến Hải Phòng — Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại là Hai trăm sáu mươi tám đồng cho một tấn hàng.

— Đối với các tàu không phải chuyên dùng mà chỉ có hầm tàu có máy làm lạnh thì mức cước là 0,12đ một t/km (Một hào hai xu).

Theo ba hình thức cước nói trên, bên vận tải chịu trách nhiệm trích tiền cước thu của chủ hàng để thanh toán lại cho các cảng các loại lệ phí hiện hành.

Điều 2. — Quyết định này bắt đầu thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các ông Trưởng ban Ban vận tải, Cục trưởng Cục đường biển, Phân cục trưởng

Phân cục đường biển và các ông Chủ nhiệm các Công ty vận tải biển chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1978

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thủ tướng

NGUYỄN TƯỜNG LÂN

QUYẾT ĐỊNH số 1214-QĐ/VTGC ngày 12-6-1978 ban hành giá cho thuê Container để chứa hàng vận chuyển trong nước.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ nghị định số 158-CP ngày 4-7-1974 của Hội đồng Chính phủ quy định tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải ;

Sau khi đã bàn bạc thống nhất với Ủy ban Vật giá Nhà nước ;

Theo đề nghị của các ông Trưởng ban Ban vận tải, Cục trưởng Cục đường biển.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Vì mới thu hồi sửa chữa đưa ra kinh doanh sản xuất chưa có kinh nghiệm thực tế, cho nên giá cả cho thuê Container còn có thể chưa chính xác, nhưng xét cần khuyến khích sử dụng Container để vận chuyển hàng trong nước, nay tạm thời ban hành biểu giá cho thuê Container như sau :

I. Biểu giá cho thuê theo chuyên :

Loại thùng	Đơn giá : đồng/ thùng ngày
Loại 2,5 tấn đựng hàng khô	2,00
Loại 5,0 tấn đựng hàng khô	4,00
Loại 5,0 tấn đựng hàng lỏng	11,00
Loại 25,0 tấn đựng hàng khô	25,00
Loại 25,0 tấn đựng hàng ướp lạnh	218,00

1. Thời gian cho thuê mỗi chuyến được tính từ ngày nhận cho đến ngày trả lại Container đó tại địa điểm mà người thuê và công ty Container đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

2. Nếu bên thuê trả thùng ở các trạm khác không phải tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc không phải trạm thuê ban đầu thì ngoài việc trả tiền thuê thùng còn phải trả tiền cước vận tải, xếp dỡ, lưu bãi để đưa Container rỗng trở về địa điểm ban đầu. Cách tính các loại cước phí vận tải, xếp dỡ lưu bãi như sau :

a) Tính tiền cước vận tải thì căn cứ biểu cước hiện hành của từng phương thức vận tải và theo cự ly thực tế chuyên chở.

b) Tính tiền cước xếp dỡ và lưu bãi theo biểu cước của từng phương thức vận tải và của từng loại Container theo biểu sau đây :

Loại thùng	Đơn vị : đồng/ thùng	
	Chuyên chở bằng đường biển	Chuyên chở bằng đường sắt
Loại 2,5 tấn đựng hàng khô	24,15	14,35
Loại 5,0 tấn đựng hàng khô	47,80	28,25
Loại 5,0 tấn đựng hàng lỏng	50,90	29,10
Loại 25,0 tấn đựng hàng khô		140,20
Loại 25,0 tấn đựng hàng ướp lạnh		140,20

3. Tiền cho thuê Container có máy lạnh đã tính bao gồm cả chi phí về nhiên liệu, điện năng và công nhân kỹ thuật đi theo để điều khiển máy lạnh cho nên bên thuê không phải trả các khoản tiền nào khác.

4. Người thuê Container có hàng chở lượt đi và lượt về thì được giảm 10% trên tổng số tiền thuê Container có chứa hàng chở lượt về.

5. Nếu người thuê Container đề quá thời hạn thuê đã ghi trong hợp đồng thì phải chịu tiền thuê lũy tiến cho từng ngày quá hạn đó như sau :

— Quá từ 1 đến 10 ngày tăng 10% trên tiền thuê theo chuyến hoặc thuê dài hạn.

— Quá từ 11 ngày trở lên tăng 15% trên tiền thuê theo chuyến hoặc thuê dài hạn.

Thời gian quá hạn được tính sau 4 ngày kể từ ngày Container được dỡ từ tàu biển, từ toa xe đường sắt xuống cảng ga với điều kiện từ cảng, ga dỡ Container đó đến kho của chủ hàng cự ly không quá 20km. Nếu quá 20 km trở lên thì trước khi thuê hai bên bàn bạc kỹ thời gian đó đề ghi vào hợp đồng.

II. Biểu giá cho thuê dài hạn :

Loại thùng	Đơn vị : đồng/ thùng ngày
Loại 2,5 tấn đựng hàng khô	1,30
Loại 5,0 tấn đựng hàng khô	2,00
Loại 5,0 tấn đựng hàng lỏng	6,50
Loại 25,0 tấn đựng hàng khô	20,00
Loại 25,0 tấn đựng hàng ướp lạnh	87,50

1. Thời gian thuê Container dài hạn quy định tối thiểu là 3 tháng.

2. Thời gian tính tiền thuê Container dài hạn bắt đầu từ khi nhận thùng cho đến khi trả lại thùng tại địa điểm ban đầu. Trường hợp trả thùng ở địa điểm khác không phải ở địa điểm nhận ban đầu thì người thuê còn phải trả tiền cước vận tải xếp dỡ, lưu bãi Container rỗng để đưa về địa điểm ban đầu.

3. Đối với Container có máy lạnh thì chi phí về nhiên liệu, điện năng và công nhân kỹ thuật đi theo để sử dụng máy lạnh đều do người thuê phải chịu. Nếu người thuê yêu cầu công ty Container đảm nhận thì sẽ thỏa thuận giữa người thuê và công ty Container ghi vào hợp đồng. Người thuê phải trả chi phí này ngoài đơn giá cho thuê dài hạn.

III. Các loại phụ phí khác :

Nếu người thuê yêu cầu Công ty Container đảm nhận một số dịch vụ khác như xếp dỡ hàng hóa, cấp chì, lập danh sách hàng trong Container thì phải trả phụ phí như sau :

1. Xếp dỡ hàng hóa ở Container :

Hàng bách hóa và lương thực: 4,00 đ/tấn hàng

Hàng ướp lạnh : 8,00 đ/tấn hàng.

2. Lập danh sách hàng hóa : 1đ/1 giấy (5 bản). Nếu yêu cầu thêm thì cứ mỗi bản là 0,10 đ/bản.

3. Thuê cốp chi Container : 3,50 đ/thùng.

Điều 2. - Quyết định này bắt đầu thi hành kể từ ngày ký. Các quy định nào trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. - Các ông Chánh văn phòng, Trưởng ban Ban vận tải, Cục trưởng Cục đường biển, Phân cục trưởng Phân cục đường biển, Giám đốc các Công ty đại lý vận tải và Giám đốc Công ty Container chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1978
K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng
NGUYỄN TƯỜNG LÂN

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo quyết định này các tiêu chuẩn Nhà nước dưới đây:

TCVN 2276-78. Tấm sàn hộp (panen rỗng) bê-tông cốt thép dùng làm sàn và mái nhà dân dụng.

TCVN 2277-78. Mực in typô. Yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 2278-78. Mực in rô-ta-ty-typô. Yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 139-78. Các tiêu chuẩn đề thử xi măng.

Điều 2. - Các tiêu chuẩn trên chính thức áp dụng đối với tất cả các ngành, các địa phương có liên quan trong cả nước và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1979.

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 1978

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó chủ nhiệm

LÊ KHÁC

0963598

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 218-KHKT/QĐ ngày 14-6-1978 ban hành bốn tiêu chuẩn Nhà nước.

CHỦ NHIỆM
ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công, nông nghiệp,

BỘ Y TẾ

CHỈ THỊ số 16-BYT/TT ngày 26-6-1978 về việc tăng cường và nâng cao chất lượng công tác giám định y khoa.

Công tác giám định y khoa là công tác phục vụ cho việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, công nhân, thương bệnh binh khi bị ốm đau, mất sức lao động, bị thương, bị tai nạn lao động. Trong những năm gần đây công tác giám định y khoa đã được các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương quan tâm chú ý, tạo điều kiện cho các Hội đồng giám định y khoa hoạt động được tốt.